

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41 /2014/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 05 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt mức chi phí chi trả phụ cấp thường trực,
phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật vào giá dịch vụ y tế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

SỔ TƯ PHÁP THÁI BÌNH	
SỐ: 2499	ĐẾN
Ngày: 29/12/2014	Chuyên:
Lưu hồ sơ số:	

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2014/TTLT-BYT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 26/02/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức chi phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật vào giá dịch vụ y tế; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-VHXH ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt mức chi phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật vào giá dịch vụ y tế tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Chi phí chi trả phụ cấp thường trực được tính vào chi phí ngày giường bệnh, mức chi phí được cộng vào mức giá ngày giường bệnh theo từng bệnh viện (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Chi phí chi trả phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật được tính vào chi phí của từng phẫu thuật, thủ thuật, mức chi phí được cộng vào mức giá của từng loại phẫu thuật, thủ thuật (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Mức chi phí này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XV, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua ./ *vt*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Y tế;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT. Huyện uỷ, Thành uỷ; TT HĐND, UBND huyện, Thành phố;
- Lưu: VTVP. *vt*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC
MỨC CHI PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP THƯỜNG TRỰC,
PHỤ CẤP PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT VÀO GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ
(Kèm theo Nghị quyết số 41/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)

I. CHI PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP TRỰC THEO NGÀY GIƯỜNG BỆNH ĐIỀU TRỊ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên bệnh viện	Mức thu bổ sung phụ cấp trực vào ngày giường bệnh điều trị (đồng)
I	Bệnh viện hạng I	
1	BV Đa khoa Tỉnh	19.680
II	Bệnh viện hạng II	
1	BV Nhi	13.157
2	BV Phụ Sản	12.409
3	BV Phục hồi chức năng	9.278
4	BV Lao và Bệnh phổi	9.570
5	BV Phong DL Văn môn	15.000
6	BV Tâm Thần	7.740
7	BV Y học cổ truyền	9.511
8	BVĐK huyện Đông Hưng	11.309
9	BVĐK huyện Kiến Xương	8.616
10	BVĐK huyện Quỳnh Phụ	10.283
11	BVĐK Thành Phố	9.721
12	BVĐK huyện Tiền Hải	9.113
13	BVĐK huyện Vũ Thư	9.967
III	Bệnh viện hạng III	
1	BV Mắt	8.547
2	BVĐK huyện Hưng Hà	8.475
3	BVĐK Hưng Nhân	6.088
4	BVĐK Nam Tiền Hải	7.050
5	BVĐK Phụ Dực	6.990
6	BVĐK Thái Ninh	8.989
7	BVĐK huyện Thái Thụy	8.347

II. CHI PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO TỪNG LOẠI PHẪU THUẬT THỦ THUẬT:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chuyên khoa	Mức thu bổ sung chi trả phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật vào từng loại phẫu thuật, thủ thuật (đồng)
1	Thần kinh sọ não	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
2	Tim mạch Lồng ngực	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
3	Hệ tiêu hóa - Bụng	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500

4	Gan Mật Tụy	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
5	Tiết niệu - Sinh dục	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
6	Chấn thương chỉnh hình	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
7	Bông	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000

	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
8	Sản phụ khoa	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	340.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
9	Ung thư/Ung bướu	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
10	Lao - Bệnh phổi	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
11	Nhi khoa	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000

	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
12	Tạo hình	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
13	Răng hàm mặt	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.280.000
	Phẫu thuật loại I	500.000
	Phẫu thuật loại II	260.000
	Phẫu thuật loại III	175.000
	Thủ thuật Đặc biệt	240.000
	Thủ thuật loại I	112.500
	Thủ thuật loại II	43.500
	Thủ thuật loại III	28.500
14	Mắt	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.280.000
	Phẫu thuật loại I	500.000
	Phẫu thuật loại II	260.000
	Phẫu thuật loại III	175.000
	Thủ thuật Đặc biệt	240.000
	Thủ thuật loại I	112.500
	Thủ thuật loại II	43.500
	Thủ thuật loại III	28.500

15	Tai mũi họng	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.280.000
	Phẫu thuật loại I	500.000
	Phẫu thuật loại II	260.000
	Phẫu thuật loại III	175.000
	Thủ thuật Đặc biệt	240.000
	Thủ thuật loại I	112.500
	Thủ thuật loại II	43.500
	Thủ thuật loại III	28.500
16	Nội soi	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
17	Giải phẫu bệnh	
	Phẫu thuật Đặc biệt	1.520.000
	Phẫu thuật loại I	660.000
	Phẫu thuật loại II	310.000
	Phẫu thuật loại III	190.000
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
18	Cơ xương khớp	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500

19	Hồi sức cấp cứu - gây mê hồi sức - lọc máu	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
20	Tâm thần	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
21	Laser	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
22	Da liễu	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
23	Huyết học	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500
24	Chẩn đoán hình ảnh	
	Thủ thuật Đặc biệt	300.000
	Thủ thuật loại I	144.000
	Thủ thuật loại II	63.000
	Thủ thuật loại III	28.500